

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/DS-PT  
Ngày 04-8-2017  
V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất và bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Mai.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Bà Trương Thị Tuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Số 01, ĐS A, đường B, tổ C, khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1971 và ông Hứa Thành T, sinh năm 1965; cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 31, ĐS A, đường B, tổ C, khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Tòa án không triệu tập.

Ngân hàng Thương mại cổ phần H2; trụ sở: Số I, đường K, Phường M, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng H1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mậu Khiết T1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần H2 tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông T: Ông Trần Tuấn A1, chức vụ: Nhân viên, Ngân hàng thương mại cổ phần H2, chi nhánh tỉnh Tây Ninh.

4. *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Đ là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị Đ trình bày:*

Bà được mẹ ruột cho một phần đất tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh và được UBND huyện HT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20-8-2001. Khoảng năm 1995-1996, mẹ bà có bán cho ông P một phần đất ngang 6m x dài hết đất. Sau này, ông P bán lại đất cho bà B1 và sau bà B1 bán lại cho bà H và ông T. Trước đây, bà có khởi kiện tranh chấp phần đất mặt hậu, phía sau đất mẹ bà bán cho ông P, nay là bà H, ông T sử dụng và giáp đất ông C1. Năm 2006, Tòa án nhân thị xã Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh) và Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử buộc ông C1 trả lại cho bà 0,5 m ngang nhưng bà không đồng ý. Bà đã làm đơn gửi lên Tòa án nhân dân tối cao ở Hà Nội xem xét lại cho bà. Năm 2009, ông C1 đã đồng ý trả đất cho bà 0,8 m ngang, dài hết đất. Sau khi ông C1 trả đất, cán bộ địa chính UBND phường E có cắm trụ ranh đất cho bà. Ranh đất của bà giáp đất ông C1 có 01 hàng cây bông giấy, còn ranh đất phía sau giáp Trường mẫu giáo V. Phần đất ông C1 trả lại cho bà hiện nay bà H, ông T đã chiếm một phần ngang 6 m x dài 0,6 m, nay bà yêu cầu bà H, ông T trả lại đất cho bà.

Ngoài ra, do bà H, ông T không trả đất buộc bà phải đi thưa kiện nên yêu cầu bà H, ông T bồi thường thiệt hại cho bà các khoản gồm: Tiền đi thưa kiện mất thu nhập mỗi ngày là 300.000 đồng x 10 ngày là 3.000.000 đồng; tiền làm giấy tờ khởi kiện là 500.000 đồng và tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bà là 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 5.500.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T trình bày:*

Phần đất ông bà đang sử dụng và bà Đ đang tranh chấp là do ông bà chuyển nhượng của bà B vào năm 2002, chính bà Đ và con trai bà Đ đo đất cho ông bà, phần đất có diện tích ngang 6 m x dài hết đất tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Năm 2002, ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà không nhớ diện tích đất cụ thể trong giấy chứng nhận là bao nhiêu nhưng mặt hậu giáp với đất của ông C1. Khi xây nhà, cán bộ địa chính UBND phường E có đo đạc lại phần đất của ông bà, sau đó ông bà mới xây nhà trên diện tích 6 m ngang đất x dài hết đất. Do bà Đ cứ đào bới phần đất phía sau căn nhà bà nên bà mới rào đất lại. Khi bà Đ khởi kiện bà mới biết đất của bà Đ. Nay bà H đồng ý trả lại phần đất ngang 6 m x dài 0,6 m cho bà Đ. Ông bà xác định không lấn chiếm phần đất của bà Đ.

Đầu năm 2016, ông bà xây nhà nên đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay số tiền 150.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần H2, chi nhánh tỉnh Tây Ninh (viết tắt Ngân hàng H2).

Bà Đ yêu cầu ông bà trả đất và bồi thường thiệt hại là tiền đi thừa kiện, bồi thường danh dự, nhân phẩm ông bà không đồng ý vì ông bà không lấn chiếm đất của bà Đ, không làm điều gì ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của bà Đ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần H2 trình bày:*

Ngày 29-12-2015, bà H, ông T ký Hợp đồng tín dụng số TNI.CN.786.241215 với Ngân hàng. Tính đến ngày 06-12-2016, bà H, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 130.354.000 đồng và lãi suất.

Tài sản bảo đảm hợp đồng vay vốn là phần đất diện tích 110m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 428, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00670 QSDĐ/3436/TTĐC do UBND G (nay là thành phố G) cấp ngày 01-9-2003.

Đến nay hợp đồng giữa Ngân hàng và bà H, ông T vẫn còn hiệu lực. Trong quá trình vay vốn bà H, ông T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng không yêu cầu bà H, ông T trả nợ trước hạn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

*Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 của Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T về việc yêu cầu trả lại phần đất ngang 6 m x dài 0,6 m tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà H, ông T có trách nhiệm trả cho bà Đ phần đất diện tích 3,6 m<sup>2</sup> nằm trong phần đất của bà Đ, thửa đất số 226, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Đ dài 0,6 m;
- Phía Tây giáp phần đất trống còn lại dài 0,6 m;
- Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn C1 dài 6 m;
- Phía Nam giáp đất bà H, ông T dài 6 m.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tổng số tiền 5.500.000 đồng.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T phải chịu 546.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Đ phải chịu 275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 500.000 đồng theo Biên lai thu số 0003359 ngày 31-10-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà Đ 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10-4-2017, nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu bà H và ông T bồi thường thiệt hại tổng số tiền 16.800.000 đồng, trong đó, bồi thường 11.000.000 đồng tiền bà vay tiền lãi suất cao để trả ngân hàng lấy giấy chứng nhận QSDĐ nộp cho Tòa án và 5.500.000 đồng tiền mất thu nhập, tiền làm đơn khởi kiện, bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

Bà Đ cho rằng do bà H, ông T không trả đất buộc bà phải khởi kiện nên tất cả các khoản chi phí gồm: Tiền mất thu nhập do đi thưa kiện mỗi ngày là 300.000 đồng x 10 ngày là 3.000.000 đồng, tiền làm giấy tờ khởi kiện là 500.000, tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bà là 2.000.000 đồng, tổng cộng 5.500.000 đồng bà H, ông T phải bồi thường cho bà.

[1] Xét yêu cầu bồi thường chi phí khởi kiện: Bà Đ có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật, bên cạnh quyền khởi kiện, pháp luật cũng quy định bà Đ phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục tố tụng khi khởi kiện và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án. Do đó, bà Đ cho rằng bị đơn – bà H, ông T phải chịu các chi phí khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm: Bà Đ đưa ra yêu cầu nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh ông T, bà H có hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến danh dự, uy tín, nhân phẩm và gây ra

thiệt hại cho bà. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đối với số tiền 11.000.000 đồng tiền vay: Bà Đ cho rằng do phải lấy bản chính giấy chứng nhận QSDĐ đang thế chấp tại ngân hàng để nộp cho Tòa án nên bà phải vay tiền lãi suất cao để trả cho ngân hàng, sau đó bà không được ngân hàng cho vay lại làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên bà H, ông T phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 11.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này là yêu cầu mới phát sinh trong giai đoạn bà Đ kháng cáo nên chưa được xem xét giải quyết tại cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu này của bà Đ theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm buộc bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm là không đúng với quy định tại khoản 6 Điều 11 của Pháp lệnh về Án phí, lệ phí Tòa án nên sửa án sơ thẩm thẩm về phần này.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đ không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ; sửa án sơ thẩm về án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Sửa án sơ thẩm về án phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Buộc bà H, ông T có nghĩa vụ trả cho bà Đ phần đất diện tích 3,6 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 226, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Đ (thửa 200) dài 0,6 m;
- Phía Tây giáp phần đất trống còn lại (trường mẫu giáo V) dài 0,6 m;
- Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn C1 (thửa 141) dài 6 m;

- Phía Nam giáp đất bà H, ông T (thửa 142) dài 6 m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng tổng số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Hứa Thành T phải chịu 546.000 đồng (năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003359 ngày 31-10-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà Đ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 200.000 đồng tại Biên lai thu số 0003953 ngày 10-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà Đ còn phải nộp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Thị Hồng Mai**

